

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2024/HS-ST

Ngày: 17/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Bình – Cán bộ hưu trí.
- Ông Đặng Văn Nga – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 129/2024/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B, sinh ngày 14/4/2002 tại An Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang;
Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; bị cáo là con út trong gia đình có 03 anh em; sống như vợ chồng với chị Mai Trúc G, sinh năm 2004 (chị G có 01 con riêng sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/6/2024. Hiện bị đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V.

- Bị hại: Lê Thị Thùy L, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Số A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo, bị hại có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/4/2020, Lê Thùy Trúc L1, sinh ngày 07/10/2004, trú tại khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai bỏ nhà đi chơi và đến khu phòng trọ của ông Nguyễn Minh C thuộc ấp E, xã T huyện V. Tại đây L1 quen biết và nảy sinh tình cảm yêu thương với Nguyễn Văn B, sinh ngày 14/4/2002 đang thuê trọ và tạm trú tại ấp E, xã T, rồi L1 đến ở chung phòng trọ với B. Khoảng 22 giờ ngày 05/5/2020, khi đang ở phòng trọ Bót gạ hỏi muốn quan hệ tình dục với L1 thì L1 đồng ý. Sau đó B mua bao cao su mang về phòng trọ, cùng L1 tự cởi quần áo và quan hệ tình dục khoảng 30 phút thì nghỉ. L1 tiếp tục ở phòng trọ sống chung với Nguyễn Văn B. Đến ngày 16/5/2020, Lê Thùy Trúc L1 gọi điện thoại cho mẹ là chị Đào Thị Ngọc L2 đến đón về nhà tại phường H.

Ngày 26/5/2020, L1 gọi điện thoại rủ B đến Giáo xứ N, phường T thành phố B đón L1 đi chơi. B đồng ý và đến điểm hẹn đón L1 đưa về phòng trọ tại ấp E, xã T, huyện V. Đến khoảng 17 giờ ngày 30/5/2020, B mua bao cao su rồi cùng L1 tự cởi quần áo và quan hệ tình dục khoảng 30 phút. Sau đó L1 tiếp tục ở lại phòng trọ của B đến ngày 17/6/2020, thì bà Đào Thị Ngọc L2 tìm đến phòng trọ của B và đón L1 về nhà. Ngày 19/6/2020, ông Lê Thái Q1 (là bố L1) tố cáo Nguyễn Văn B có hành vi xâm hại tình dục đến Công an xã T, huyện V. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm và điều tra, xác minh xử lý.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị khởi tố xử lý, Nguyễn Văn B lẩn trốn sau đó chuyển đến sinh sống tại ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Ngày 10/6/2024, Nguyễn Văn B bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V bắt giữ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 0499/TD/2020 ngày 23/6/2020 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đ xác định tổn thương của Lê Thị Trúc L3 sinh ngày 07/10/2004 như sau: Màng trinh hình chóp có lưỡi vị trí 06 giờ, đường lỗ trinh 01 cm, màng trinh rách cũ vị trí 03 giờ, bờ mép vết rách không phù nề, không xung huyết, không chảy máu. Xét nghiệm không tìm thấy tinh trùng trong dịch âm đạo.

Ngày 22/8/2024, Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đ có Văn bản số 446/TTPY-2024 đính chính do sai sót thông tin họ tên tại Bản kết luận giám định pháp y số 0499/TD/2020 ngày 23/6/2020 từ Lê Thị Trúc L3 thành Lê Thùy Trúc L1, sinh ngày 7/10/2004.

Trách nhiệm dân sự: Lê Thùy Trúc L1 yêu cầu Nguyễn Văn B bồi thường tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật là 10 tháng lương cơ sở.

Tại Cáo trạng số: 138/CT-VKSVC ngày 30/9/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “*Giao cấu*

với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi” theo khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi”;

Áp dụng khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về dân sự buộc bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật là mười tháng lương cơ sở và yêu cầu Tòa án giải quyết về hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và hối hận về hành vi của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1.2] Tại thời điểm xảy ra hành vi bị hại dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử bị hại đã đủ 18 tuổi, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về căn cứ buộc tội:

[2.1] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã truy tố. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận, khoảng 22 giờ ngày 05/5/2020 và khoảng 17 giờ ngày 30/5/2020, tại phòng trọ thuộc ấp E, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn B trên 18 tuổi đã 02 lần thực hiện hành vi giao cấu với Lê Thùy Trúc L1, sinh ngày 07/10/2004. Tại thời điểm giao cấu Lê Thùy Trúc L1 trên 15 tuổi nhưng dưới 16 tuổi. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với tất cả tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2.2] Về tình tiết định khung hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận 02 lần thực hiện hành vi giao cấu với bị hại. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết định khung theo điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tình dục trẻ em gây hậu quả xấu cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mà các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi của các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; có hoàn cảnh gia đình khó khăn và đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật là mười tháng lương cơ sở và bị hại cũng đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo. Căn cứ vào Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức bồi thường không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Mức bồi thường được tính cụ thể: 2.340.000đ x 10 tháng = 23.400.000đ (hai mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng).

[7] **Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.**

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2024.

2. Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải bồi thường cho bị hại Lê Thùy Trúc L1 số tiền 23.400.000đ (hai mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 1.170.000đ (một triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: **Bị cáo, bị hại có mặt** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Sở Tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn